



Số 4 /HD-UBND

Yên Bái, ngày 28 tháng 3 năm 2025

## HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện một số chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

Thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (viết tắt là Nghị định số 178/2024/NĐ-CP); Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (viết tắt là Nghị định số 67/2025/NĐ-CP); Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách chế độ đối với cán bộ, công chức viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Công văn số 31/CV-BCĐTKNQ18 ngày 04/01/2025 của Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ; Văn bản số 2398-CV/TU ngày 28/01/2025 của Tỉnh ủy về việc tổng hợp, báo cáo các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) xin nghỉ hưu trước tuổi để thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; Kết luận số 1208-KL/TU ngày 15/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện một số nội dung về chính sách, chế độ nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc) quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP như sau:

### I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

#### 1. Phạm vi áp dụng

Chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP áp dụng đối với CBCCVC và người lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp huyện; CBCC cấp xã trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Yên Bái (viết tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

#### 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với CBCCVC, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động (HĐLĐ) trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, gồm:

2.1. CBCCCVC và người làm việc theo chế độ HĐLĐ trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi áp dụng, chịu sự tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp (sau đây viết tắt là sắp xếp tổ chức bộ máy), bao gồm:

- a) Công chức, viên chức không giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý;
- b) Cán bộ, công chức cấp xã;

c) Người làm việc theo chế độ HĐLĐ một số loại công việc trong các cơ quan hành chính và ĐVSNCL theo quy định của pháp luật trước thời điểm ngày 15/01/2019 và người làm việc theo chế độ HĐLĐ được áp dụng chính sách như công chức (sau đây viết tắt là người lao động), gồm: Người làm việc theo chế độ HĐLĐ một số loại công việc trong các cơ quan hành chính và ĐVSNCL theo quy định của pháp luật đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định tuyển dụng, tiếp nhận và điều động sau ngày Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ có hiệu lực nhưng chưa chuyển sang thực hiện chế độ hợp đồng; người làm việc theo chế độ HĐLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trước thời điểm ngày 15/01/2019.

d) CBCCCVC lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, có nguyện vọng nghỉ việc để tạo điều kiện thuận lợi khi sắp xếp số lượng CBCCCVC lãnh đạo, quản lý theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

2.2. CBCCCVC, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trước thời điểm ngày 15/01/2019 còn đủ 05 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi áp dụng của Nghị định 178/2024/NĐ-CP không chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng phải thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng CBCCCVC.

3. Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, ở cấp huyện chịu tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy.

4. Cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm; cán bộ đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm cấp ủy cùng cấp, có thời gian công tác tính từ ngày bắt đầu tổ chức đại hội còn từ 2,5 năm (30 tháng) đến 05 năm (60 tháng) đến đủ tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP và cán bộ đang tham gia cấp ủy ở các đảng bộ phải kết thúc hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy còn 05 năm (60 tháng) trở xuống đến tuổi nghỉ hưu, có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi để tạo điều kiện sắp xếp nhân sự cấp ủy trong kỳ đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và được cấp có thẩm quyền đồng ý”.

## II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

Nguyên tắc thực hiện chế độ, chính sách được thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP. Khi thực hiện, cần lưu ý nguyên tắc riêng của chính sách như sau: Việc xác định đối tượng nghỉ việc hưởng chính sách phải căn cứ vào kết quả đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu vị trí việc làm của CBCCVC và người lao động; đồng thời, phải được thực hiện kết hợp với việc sắp xếp, sàng lọc CBCCVC và người lao động dôi dư trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương (theo Hướng dẫn số 03/HD-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh Yên Bái về việc xây dựng phương án bố trí, sắp xếp CBCCVC và người làm việc theo chế độ HĐLD).

## III. MỘT SỐ NỘI DUNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

### 1. Cách xác định thời điểm, thời gian và tiền lương tháng để tính hưởng các loại chính sách, chế độ

1.1. Thời điểm quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền là thời điểm có hiệu lực của văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ban hành về sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính (trừ đối tượng quy định tại Điều 7a Nghị định số 67/2025/NĐ-CP được tính trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 15/3/2025). Các cơ quan, tổ chức, đơn vị vận động, khuyến khích CBCCVC, người lao động nghỉ và xác định thời điểm nghỉ (nghỉ ngay thời điểm sắp xếp hoặc trong 12 tháng sau thời điểm sắp xếp để ổn định tổ chức bộ máy, cơ cấu nhân sự).

- Trong thời hạn 12 tháng tính từ thời điểm quy định trên, CBCCVC và người lao động được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc) thì được tính hưởng chính sách, chế độ theo quy định của 12 tháng đầu tiên.

- Sau thời hạn trên thì được tính hưởng chính sách, chế độ theo quy định của tháng thứ 13 trở đi.

*Ví dụ 1: Quyết định về hợp nhất Sở A với Sở B có hiệu lực từ ngày 01/3/2025, thì tính từ ngày 01/3/2025 đến hết ngày 28/02/2026, CBCCVC và người lao động được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc) thì được tính hưởng chính sách, chế độ theo quy định của 12 tháng đầu tiên; CBCCVC và người lao động nghỉ việc từ thời điểm 01/3/2026 trở đi được xác định hưởng chính sách, chế độ của tháng thứ 13 trở đi.*

1.2. Tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP để tính chính sách, chế độ khi nghỉ việc như sau:

a) Đối với người hưởng lương theo bảng lương do Nhà nước quy định:

- Tiền lương tháng hiện hưởng bao gồm: Mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp và các khoản tiền phụ cấp lương (gồm: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp ưu đãi theo nghề; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ cấp công vụ; phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội và hệ số chênh lệch

bảo lưu lương (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương.

- Phụ cấp trách nhiệm công việc không được tính chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

b) Đối với người hưởng mức lương bằng tiền theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động thì tiền lương tháng hiện hưởng là mức tiền lương tháng được ghi trong hợp đồng lao động (không bao gồm các khoản đóng góp theo lương do cơ quan, đơn vị sử dụng lao động nộp: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn).

1.3. Công thức tính tiền lương và các khoản phụ cấp lương thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tổng hợp danh sách đối tượng theo mẫu biểu kèm theo Hướng dẫn này (gồm Biểu danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, Biểu đối tượng cán bộ, công chức thôi việc và Biểu đối tượng viên chức và người lao động thôi việc):

- Biểu mẫu đã bao gồm các cột thể hiện mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp và các khoản tiền phụ cấp lương được tính hưởng chính sách;

- File mềm bảng biểu Excel phát hành đã được cài đặt công thức, lập hàm tính toán tự động, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương nhập đúng, đủ dữ liệu theo hồ sơ cá nhân đối tượng, không sửa biểu mẫu.

## 2. Cách tính tuổi theo thời điểm nghỉ và tỷ lệ lương hưu

2.1. Cách tính tuổi: Căn cứ tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, thời điểm quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy để xác định thời điểm nghỉ của CBCCVV và người lao động từ đó xác định số năm còn công tác và tính hưởng các chính sách theo quy định

### 2.2. Tỷ lệ lương hưu:

a) Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Bảo hiểm xã hội 2014, được hướng dẫn bởi Điều 7 Nghị định 115/2015/NĐ-CP có quy định như sau:

- Lao động nữ nghỉ hưu năm 2025 đóng đủ 30 năm bảo hiểm xã hội trở lên: tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng được tính bằng 45% tương ứng với 15 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội thì tính thêm 2%; mức tối đa bằng 75%;

- Lao động nam nghỉ hưu năm 2025 đóng đủ 35 năm bảo hiểm xã hội trở lên: tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng được tính bằng 45% tương ứng với số năm đóng bảo hiểm xã hội là 20 năm, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội, được tính thêm 2%; mức tối đa bằng 75%.

Theo quy định tại Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội 2014 (được sửa đổi bởi điểm b Khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động 2019), cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động thì giảm 2% tỷ lệ hưởng lương hưu. Trường hợp tuổi nghỉ hưu có thời gian lẻ đến đủ 06 tháng thì mức giảm là 1%, từ trên 06 tháng thì không giảm tỷ lệ phần trăm do nghỉ hưu trước tuổi (tại Điều 17 khoản

2 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

b) Căn cứ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, CBCCVC nghỉ hưu trước tuổi thì được hưởng ngay lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội mà không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

Như vậy, việc nghỉ hưu trước tuổi khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP sẽ không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi (*không bị giảm từ 2% cho mỗi năm nghỉ hưu sớm*), còn tỷ lệ lương hưu sẽ tính theo số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội của mỗi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định.

*Ví dụ 3: Bà A nghỉ hưu trước tuổi tháng 03/2025 khi đủ 52 tuổi 8 tháng (tuổi nghỉ hưu đúng là 56 tuổi 8 tháng), có 28 năm đóng bảo hiểm xã hội, tỷ lệ hưởng lương hưu được tính như sau:*

- 15 năm đầu được tính bằng 45%;

- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 28 là 13 năm, tính thêm:  $13 \times 2\% = 26\%$ ;

- Tổng 2 tỷ lệ trên là:  $45\% + 26\% = 71\%$ ;

- Bà A nghỉ hưu trước tuổi khi 52 tuổi 08 tháng (bà A nghỉ trước là 04 năm) nên tỷ lệ giảm trừ do nghỉ hưu trước tuổi là  $4 \times 2\% = 8\%$ ;

Như vậy, nếu không thuộc đối tượng nghỉ hưu trước tuổi của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP thì tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng của bà A sẽ là  $71\% - 8\% = 63\%$ . Tuy nhiên bà A thuộc đối tượng nghỉ hưu trước tuổi khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP sẽ không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi (*không bị giảm từ 2% cho mỗi năm nghỉ hưu sớm*), tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng của bà A là 71%.

Lưu ý: Các trường hợp nghỉ việc trước thời điểm ngày 01/7/2025 thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014; các trường hợp nghỉ sau từ thời điểm 01/7/2025 thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29/6/2024.

### **3. Nguồn, lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí**

Giao Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể theo Nghị định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

## **IV. THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH, THỦ TỤC, THỜI GIAN**

### **1. Về thẩm quyền**

#### **1.1. Thẩm quyền phê duyệt đối tượng và kinh phí**

a) Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về việc nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với CBCCVC thuộc quyền quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh.

b) Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến về việc nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với CBCCVC và người lao động các cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đối tượng và kinh phí thực hiện chính sách đối với CBCCVC và người lao động các cơ quan, đơn vị khối Nhà nước; quyết định phê duyệt, cấp kinh phí chi trả đối với CBCCVC và người lao động khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

## 1.2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ

a) Ban Tổ chức Tỉnh ủy là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đối với đối tượng sau:

- CBCCVC thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thuộc các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện; CBCCVC thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thuộc khối Nhà nước do Đảng ủy UBND tỉnh đề nghị.

- CBCCVC và người lao động các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

b) Sở Nội vụ là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đối với đối tượng là CBCCVC và người lao động các cơ quan, tổ chức, đơn vị khối Nhà nước ở cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh (bao gồm cả các chức danh diện Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thuộc Khối Nhà nước đề trình Đảng ủy UBND tỉnh).

## 2. Quy trình thực hiện

2.1. Bước 1: Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị lấy ý kiến tập thể lãnh đạo và cấp ủy (bằng hình thức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) về việc giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối với việc nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, tập thể lãnh đạo và cấp ủy của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp cho ý kiến.

2.2. Bước 2: Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý hoặc sử dụng công chức, viên chức, người lao động lập danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện chính sách, chế độ và hồ sơ trình cấp có thẩm quyền (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ).

### 2.3. Bước 3: Thẩm định về đối tượng

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định hồ sơ đối tượng, xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy; sau khi có ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về đối tượng, tổng hợp danh sách đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính thẩm định kinh phí.

- Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, tổng hợp danh sách, kinh phí dự kiến thực hiện chính sách của đối tượng thuộc khối Nhà nước gửi Sở Tài chính (riêng các chức danh của Khối Nhà nước thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quản lý, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, lập danh sách báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến theo thẩm quyền).

2.4. Bước 4: Thẩm định về kinh phí: Sở Tài chính thẩm định tính toán kinh phí, nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách, gửi kết quả thẩm định về Sở Nội vụ.

2.5. Bước 5: Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt: Sở Nội vụ tổng hợp danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện chế độ, chính sách của khối Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, trình UBND tỉnh.

2.6. Bước 6: UBND tỉnh quyết định phê duyệt đối tượng và cấp kinh phí thực hiện chế độ, chính sách.

2.7. Bước 7: Căn cứ quyết định phê duyệt đối tượng và cấp kinh phí của UBND tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện giải quyết chế độ, chính sách đối với CBCCVV và người lao động.

### **3. Hồ sơ đề nghị giải quyết chính sách**

#### **3.1. Thành phần hồ sơ**

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị gồm: Số đối tượng, dự toán kinh phí thực hiện chi trả cho đối tượng hưởng chính sách của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Danh sách đối tượng đề nghị hưởng chính sách (*theo mẫu gửi kèm*);

c) Biên bản họp tập thể Lãnh đạo và cấp ủy của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc văn bản ý kiến của các Lãnh đạo và cấp ủy của đơn vị về việc nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với các trường hợp đề nghị hưởng chính sách (bản gốc).

d) Bản tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại CBCCVV và người lao động do Thủ trưởng cơ quan xác nhận (đánh giá 03 năm gần nhất theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ; đánh giá theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Hướng dẫn số 02/HD-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh - theo biểu mẫu đính kèm).

đ) Hồ sơ cá nhân của từng đối tượng đề nghị hưởng chính sách kèm theo Phiếu thống kê thành phần hồ sơ (*theo mẫu gửi kèm*), cụ thể:

- Quyết định tuyển dụng đối với công chức, viên chức và hợp đồng làm việc lần đầu đối với lao động hợp đồng; quyết định phê chuẩn chức vụ hiện đang đảm nhiệm đối với cán bộ cấp xã (bản sao công chứng);

- Bản phô tô công chứng quyết định lương/bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp viên chức gần nhất; các quyết định hưởng phụ cấp được tính lương hiện hưởng gần nhất (nếu có);

- Sổ BHXH hoặc Bản ghi quá trình đóng BHXH hoặc Phiếu đối chiếu quá trình đóng BHXH có dấu và chữ ký của cơ quan BHXH trong thời hạn 02 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc (bản sao công chứng);

- Tùy từng trường hợp cụ thể cần bổ sung: Đơn đề nghị của cá nhân được thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý và xác nhận; đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

phương án bố trí, sắp xếp CBCCVV và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động (theo Hướng dẫn số 03/HD-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh);

- Các văn bản, tài liệu có liên quan khác để minh chứng (nếu có).

3.2. Số lượng hồ sơ: Hồ sơ được lập thành 02 Bộ: 01 bộ gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ (tùy theo từng đối tượng); 01 bộ lưu tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị cấu thành có thể yêu cầu bổ sung 01 bộ hồ sơ để lưu tại cơ quan, tổ chức, đơn vị cấu thành (nếu có), ví dụ: đối với viên chức các Trung tâm trực thuộc sở, ngành lập 03 bộ hồ sơ: 01 bộ gửi Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy, 01 bộ gửi sở, ngành quản lý trực tiếp và 01 bộ lưu tại Trung tâm.

#### **4. Thời gian thực hiện**

Việc giải quyết chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc thực hiện định kỳ hàng tháng, cụ thể như sau:

4.1. Trước ngày 03 của tháng, các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi hồ sơ đề nghị giải quyết nghỉ việc của tháng sau liền kề về Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ.

4.2. Trong thời gian 05 ngày làm việc, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ hoàn thành thẩm định về đối tượng đối với các trường hợp có đầy đủ hồ sơ và có văn bản gửi Sở Tài chính để thực hiện thẩm định về kinh phí (trừ các trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quản lý thực hiện sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy).

4.3. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ, Sở Tài chính hoàn thành công tác thẩm định về kinh phí và gửi văn bản thẩm định về Sở Nội vụ để tổng hợp.

4.4. Trong thời gian 03 ngày làm việc

kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định về kinh phí của Sở Tài chính, Sở Nội vụ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **5. Một số nội dung khác liên quan đến bảo hiểm xã hội**

5.1. Đối với trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc, đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp tục thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cá nhân từ thời điểm cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội để lập hồ sơ đề nghị hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đến thời điểm nghỉ theo quy định, đảm bảo quá trình đóng bảo hiểm xã hội của công chức, viên chức, người lao động liên tục đến thời điểm nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đã được phê duyệt.

5.2. Trường hợp không tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ thời điểm cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội để lập hồ sơ đề nghị hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đến thời điểm nghỉ mà chưa báo cáo cấp có thẩm quyền tại thời điểm xét hưởng chính sách, cần kịp thời báo cáo qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ để có hướng xử lý.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Các cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh, cấp huyện; các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

1.1. Chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.

1.2. Căn cứ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, thực hiện rà soát tổng thể chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý và xem xét đơn tự nguyện xin nghỉ việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

1.3. Xác định đối tượng thuộc diện phải nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; tổng hợp đối tượng và thời gian nghỉ việc của CBCCVV, người lao động thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị trong giai đoạn 2025-203 (cụ thể đến từng tháng, từng năm), gửi Sở Nội vụ tổng hợp.

1.4. Lập danh sách và dự toán số tiền thực hiện chính sách đối với từng trường hợp theo Hướng dẫn này, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ thẩm định. Chịu trách nhiệm trong đánh giá, sàng lọc, lựa chọn, đề nghị đối tượng nghỉ việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP thuộc phạm vi quản lý.

1.5. Chỉ đạo thực hiện hoặc thực hiện việc chi trả chính sách cho CBCCVV và người lao động sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### 2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ CBCCVV và người lao động đề nghị hưởng chính sách, chế độ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; tổng hợp danh sách đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện theo phân cấp quản lý gửi Sở Tài chính thẩm định.

### 3. Sở Nội vụ

Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ CBCCVV và người lao động đề nghị hưởng chính sách, chế độ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị khối Nhà nước; tổng hợp, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện. Chủ trì theo dõi, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc.

### 4. Sở Tài chính

Thẩm định việc tính toán và dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ; trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện việc chi trả chính sách cho đối tượng theo quy định; xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ để tổng hợp chung vào nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương trong dự toán ngân

sách nhà nước của năm sau liền kề của tỉnh Yên Bái. Phối hợp theo dõi, tổng hợp, báo cáo về kinh phí nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc.

## 5. Bảo hiểm xã hội tỉnh

5.1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho các đối tượng theo quy định.

5.2. Giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với các đối tượng được hưởng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

Trên đây là Hướng dẫn triển khai thực hiện một số chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ để phối hợp, nghiên cứu hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết./.

### Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT. UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các CQ tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các huyện, thị, thành ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, TX. TP;
- Các ĐVSNCCL trực thuộc UBND tỉnh;
- BHXH tỉnh Yên Bái;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Phòng HC-QT;
- Phòng KT (đ/c H. Hùng);
- Lưu: VT, NC (Ng, Tùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Anh

HUYỆN ỦY YÊN BÌNH  
Số 237-SL/HU

### Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy
- UBMTTQ và các đoàn thể huyện,
- Lưu VP.

Sao lục Hướng dẫn số 4/HD-UBND ngày 28/3/2025  
Yên Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2025

T/L BAN THƯỜNG VỤ  
CHÁNH VĂN PHÒNG

Dương Trung Kiên